

Bản án số: 505/2018/DS-ST

Ngày: 23 - 10 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Hồng.
2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 516/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 422/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 364/2018/QĐST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng; Địa chỉ trụ sở chính: Số 89 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Tuấn, địa chỉ: Số Tầng 2, số 296 đường Phan Xích Long, Phường 07, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 19470/2018/UQ-VPB ngày 14/8/2018). (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Thành P, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 84/5/16 đường Bùi Quang Là, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – ông Nguyễn Văn Tuấn và ông Trần Duy Khánh trình bày:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) có cho ông Lê Thành P vay tiền với hình thức tín chấp, theo phương thức vay trả góp, mục đích vay tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng (sau đây được viết tắt là Hợp đồng), cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 3399045 ngày 08/5/2015, ông P vay số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, với lãi suất định kỳ là 27%/năm, thời hạn vay là 48 tháng. Trong đó trả gốc và lãi trong 48 tháng, trả vào ngày 08 hàng tháng, bắt đầu kỳ thanh toán đầu tiên là ngày 08/6/2015. Đối với Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-033507 ngày 10/4/2015, kèm theo biên bản sử dụng mở và sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng loại thẻ cá nhân tín chấp cho ông P với tổng hạn mức tín dụng là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, lãi suất theo biểu lãi suất thẻ tín dụng do Ngân hàng quy định từng thời kỳ. Ngân hàng xác nhận giao dịch theo hai hợp đồng tín dụng đang tranh chấp nêu trên là giao dịch giữa Ngân hàng với cá nhân ông P. Vì vậy Ngân hàng chỉ khởi kiện ông P và không yêu cầu trách nhiệm trả nợ đối với cá nhân nào khác trong vụ kiện này.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số 3399045 ngày 08/5/2015 ông P đã thanh toán cho Ngân hàng 02 đợt vào các ngày 08/6/2015 và 07/7/2015 với tổng số tiền là: 2.762.868 (Hai triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm sáu mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là: 943.025 (Chín trăm bốn mươi ba ngàn không trăm hai mươi lăm) đồng và tiền lãi là: 1.819.843 (Một triệu tám trăm mười chín ngàn tám trăm bốn mươi ba) đồng. Từ ngày 08/7/2015 đến nay ông P không thanh toán thêm một khoản nợ nào. Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-033507 ngày 10/4/2015, ông P đã sử dụng số tiền nợ gốc tính đến ngày 08/8/2015 là: 58.585.133 (Năm mươi tám triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn một trăm ba mươi ba) đồng. Kể từ ngày quá hạn, ông P chưa thanh toán hết dư nợ đối với Hợp đồng thẻ trên cho Ngân hàng. Lãi suất cho vay qua thẻ tín dụng đối với ông P có điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng, cụ thể: Đối với hạng thẻ của ông P thì lãi suất là 26,28%/năm trong thời hạn từ ngày 08/8/2015 đến ngày 19/10/2016, lãi suất là 31,08%/năm trong thời gian từ ngày 20/10/2016 đến nay.

Do ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên ngày 20/7/2017 Ngân hàng nộp đơn khởi kiện và yêu cầu ông P thanh toán nợ gốc và lãi của hai hợp đồng tạm tính đến ngày 20/7/2017 số tiền tổng cộng là: 193.103.589 (Một trăm chín mươi ba triệu một trăm lẻ ba ngàn năm trăm tám mươi chín) đồng. Trong đó, nợ gốc của Hợp đồng số 3399045 ngày 08/5/2015 là: 39.056.975 (Ba mươi chín triệu không trăm năm mươi sáu ngàn chín trăm

bảy mươi lăm) đồng và nợ lãi là: 32.691.026 (Ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi một ngàn không trăm hai mươi sáu) đồng; nợ gốc của Hợp đồng số 325-P-033507 ngày 10/4/2015 là: 58.585.133 (Năm mươi tám triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn một trăm ba mươi ba) đồng và nợ lãi là: 62.770.455 (Sáu mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi ngàn bốn trăm năm mươi lăm) đồng. Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu ông P tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số nợ gốc phát sinh của hai hợp đồng theo lãi suất thỏa thuận tại hai hợp đồng kể từ ngày 20/7/2017 cho đến khi ông P trả xong khoản nợ gốc, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn Tuấn là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt không tham gia phiên tòa và xác định Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu ông Lê Thành P phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 22/10/2018 là: 234.134.049 (Hai trăm ba mươi bốn triệu một trăm ba mươi bốn ngàn không trăm bốn mươi chín) đồng. Trong đó: Đối với Hợp đồng tín dụng số 3399045 ngày 08/5/2015 nợ gốc là: 39.056.975 (Ba mươi chín triệu không trăm năm mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi lăm) đồng và nợ lãi là: 52.858.734 (Năm mươi hai triệu tám trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm ba mươi bốn) đồng; đối với của Hợp đồng số 325-P-033507 ngày 10/4/2015 nợ gốc là: 58.585.133 (Năm mươi tám triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn một trăm ba mươi ba) đồng và nợ lãi là: 83.633.207 (Tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn hai trăm lẻ bảy) đồng, Ngân hàng yêu cầu ông P trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra Ngân hàng yêu cầu ông P tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số nợ gốc phát sinh của hai hợp đồng theo lãi suất thỏa thuận tại hai hợp đồng kể từ ngày 23/10/2018 cho đến khi ông P trả xong khoản nợ gốc, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lê Thành P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các qui định tại Điều 70,

Điều 71; bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện ông Lê Thành P, sinh năm 1979, địa chỉ: Số 84/5/16 đường Bùi Quang Là, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu ông P phải trả tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh còn thiếu cho Ngân hàng, đây là vụ án: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - ông Nguyễn Văn Tuấn là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Bị đơn ông Lê Thành P đã được Toà án triệu tập họp lệ từ khi thụ lý đến khi xét xử nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do ông Lê Thành P không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông P, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và bị đơn ông Lê Thành P có giao kết hai hợp đồng tín dụng:

Một là, Hợp đồng tín dụng số 3399045 ngày 08/5/2015 với nội dung như sau: Số tiền vay là: 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, lãi suất định kỳ là 27%/năm, thời hạn vay là 48 tháng. Trong đó trả gốc và lãi trong 48 tháng, trả vào ngày 08 hàng tháng, bắt đầu kỳ thanh toán đầu tiên là ngày 08/6/2015. Mục đích vay là tiêu dùng. Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay ông P chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 02 đợt vào các ngày 08/6/2015 và 07/7/2015 với tổng số tiền là: 2.762.868 (Hai triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm sáu mươi tám)

đồng, trong đó nợ gốc là: 943.025 (Chín trăm bốn mươi ba ngàn không trăm hai mươi lăm) đồng và tiền lãi là: 1.819.843 (Một triệu tám trăm mười chín ngàn tám trăm bốn mươi ba) đồng. Từ ngày 08/7/2015 đến nay ông P không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng.

Hai là, Hợp đồng của thẻ tín dụng số 325-P-033507 ngày 10/4/2015 thì giữa Ngân hàng và bị đơn ông P có giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn đồng ý cho nguyên đơn ghi nợ tài khoản cá nhân tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để thanh toán toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng. Ông P sử dụng thẻ đến ngày 08/8/2015 thì không thanh toán tiền cho Ngân hàng như cam kết theo hợp đồng.

Xét thấy, việc ông P không thanh toán tiền cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P phải trả số tiền trên là có căn cứ. Mặt khác, xét về trách nhiệm trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là khoản vay dưới hình thức tín dụng tiêu dùng cá nhân và thẻ tín dụng cá nhân, đồng thời nguyên đơn chỉ yêu cầu ông P có trách nhiệm trả nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Thành P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 22/10/2018 là: 234.134.049 (Hai trăm ba mươi bốn triệu một trăm ba mươi bốn ngàn không trăm bốn mươi chín) đồng. Trong đó: Đối với Hợp đồng tín dụng số 3399045 ngày 08/5/2015 nợ gốc là: 39.056.975 (Ba mươi chín triệu không trăm năm mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi lăm) đồng và nợ lãi là: 52.858.734 (Năm mươi hai triệu tám trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm ba mươi bốn) đồng; Hợp đồng của thẻ tín dụng số 325-P-033507 ngày 10/4/2015 nợ gốc là: 58.585.133 (Năm mươi tám triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn một trăm ba mươi ba) đồng và nợ lãi là: 83.633.207 (Tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn hai trăm lẻ bảy) đồng. Ngân hàng yêu cầu ông P trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và ông P còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến ngày ông P thanh toán hết số nợ vay. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về lãi suất: Theo Hợp đồng tín dụng số 3399045 ngày 08/5/2015 thỏa thuận ông P phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính theo lãi suất thỏa thuận định kỳ là 27%/năm. Đối với Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-033507 ngày 10/4/2015, kèm theo biên bản sử dụng mở và sử dụng thẻ tín dụng thì lãi suất theo biểu lãi suất thẻ tín dụng do Ngân hàng quy định từng thời kỳ, điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng, cụ thể đối với hạng thẻ của ông P thì lãi suất là: 26,28%/năm trong thời hạn từ ngày 08/8/2015 đến ngày 19/10/2016, lãi suất là: 31,08%/năm trong thời gian từ ngày 20/10/2016 đến nay. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy

định như sau: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất” nên có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 11.706.702 (Mười một triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm lẻ hai) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 4.827.590 (Bốn triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm chín mươi) đồng cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo biên lai thu số AA/2017/0027565 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

- Buộc ông Lê Thành P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/10/2018 tổng cộng là: 234.134.049 (Hai trăm ba mươi bốn triệu một trăm ba mươi bốn ngàn không trăm bốn mươi chín) đồng. Trong đó: Hợp đồng tín dụng số 3399045 ngày 08/5/2015 nợ gốc là: 39.056.975 (Ba mươi chín triệu không trăm năm mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi lăm) đồng và nợ lãi là: 52.858.734 (Năm mươi hai triệu tám trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm ba mươi bốn) đồng; Hợp đồng của thẻ tín dụng số 325-P-033507 ngày 10/4/2015 nợ gốc là: 58.585.133 (Năm mươi tám triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn một trăm ba mươi ba) đồng và nợ

lãi là: 83.633.207 (Tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn hai trăm lẻ bảy) đồng. Kể từ ngày 22/10/2018, ông P phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hai Hợp đồng tín dụng số 3399045 ngày 08/5/2015 và Hợp đồng thế tín dụng số 325-P-033507 ngày 10/4/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thành P phải chịu án phí là: 11.706.702 (Mười một triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm lẻ hai) đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 4.827.590 (Bốn triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm chín mươi) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0027565 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, bị đơn ông Lê Thành P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mộng Tuyền